

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

Số: 004/AL/2023

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SIÊU THỊ BIG C AN LẠC

Địa chỉ: 1231 Khu phố 5, đường Quốc Lộ 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 38770670

Mã số doanh nghiệp: 0301472278

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **BÁNH TRUNG THU KHOAI MÔN**

2. Thành phần:

Nhân bánh: Khoai môn, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (khoai môn, vani), chất bảo quản 202.

Vỏ bánh: Bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó khoai môn 40,5%.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 10 ngày kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

– Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 200 g, 800 g (4 cái x 200 g) hoặc khối lượng khác theo nhu cầu khách hàng.

– Chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh 200 g: Sản phẩm được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy.
- Khối lượng tịnh 800 g (4 cái x 200 g): Sản phẩm được đóng gói trong túi nhựa, chứa trong hộp giấy nhỏ, bên ngoài là hộp giấy lớn.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

| Mã số | Tên                                                                                            | Địa chỉ                                                                                                                   | Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP                    |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| 102   | Công Ty TNHH TM&DV Siêu Thị Big C An Lạc                                                       | 1231 KP. 5, Quốc Lộ 1A, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.                                       | 1506/GCNATTP-BQLATTP, cấp ngày 20/04/2023 tại Tp. Hồ Chí Minh |
| 140   | Chi nhánh Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Siêu Thị Big C An Lạc tại Trà Vinh | Trung tâm thương mại và siêu thị Trà Vinh, đường Võ Nguyên Giáp, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam          | 23/GCNATTP-SCT, cấp ngày 23/09/2022 tại T. Trà Vinh           |
| 142   | Chi nhánh Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Siêu Thị Big C An Lạc tại Bến Tre  | Tầng trệt, Trung tâm thương mại GO! Bến Tre, Ấp 1, đường Võ Nguyên Giáp, xã Sơn Đông, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Việt Nam | 47/2020/GCNATTP-SCT, cấp ngày 25/09/2020 tại T. Bến Tre       |



| Mã số | Tên                                                                                          | Địa chỉ                                                                                                                                                  | Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP                   |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 143   | Chi nhánh Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Siêu Thị Big C An Lạc tại Bà Rịa | Tầng 1, Trung tâm thương mại GO! Bà Rịa, số 2A đường Nguyễn Đình Chiểu, khu phố 1, phường Phước Hiệp, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam | 74/GCNATTP-SCT, cấp ngày 21/05/2021 tại T. Bà Rịa - Vũng Tàu |

### III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm nội dung nhãn dự thảo (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa và 111/2021/NĐ-CP Nghị định về Sửa đổi, bổ sung một số điều nghị định số 43/2017/NĐ-CP nhãn hàng hóa).

### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

- Chỉ tiêu độc tố vi nấm:** theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| Stt | Tên chỉ tiêu      | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|-------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Aflatoxin B1      | µg/kg       | 2,0               |
| 2   | Aflatoxin tổng số | µg/kg       | 4,0               |
| 3   | Ochratoxin A      | µg/kg       | 3,0               |
| 4   | Deoxynivalenol    | µg/kg       | 500               |
| 5   | Zearalenone       | µg/kg       | 50                |

- Chỉ tiêu kim loại nặng:** theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| Stt | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|--------------|-------------|-------------------|
| 1   | Cadmi (Cd)   | mg/kg       | 0,1               |
| 2   | Chì (Pb)     | mg/kg       | 0,2               |

- Chỉ tiêu vi sinh vật:** theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

| Stt | Tên chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Giới hạn cho phép |
|-----|---------------------------------|-------------|-------------------|
| 1   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí    | CFU/g       | 10 <sup>4</sup>   |
| 2   | <i>Coliforms</i>                | CFU/g       | 10                |
| 3   | <i>E.coli</i>                   | MPN/g       | 3                 |
| 4   | <i>S. aureus</i>                | CFU/g       | 10                |
| 5   | <i>Cl.perfringens</i>           | CFU/g       | 10                |
| 6   | <i>B.cereus</i>                 | CFU/g       | 10                |
| 7   | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g       | 10 <sup>2</sup>   |

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Ngày 16 tháng 06 năm 2023  
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**  
(Ký tên, đóng dấu)  
  
  
**SÀM THỊ LIÊN CHÂU**  




## **DÍNH KÈM :**

### **NỘI DUNG NHÃN DƯ THẢO**

#### **BÁNH TRUNG THU KHOAI MÔN**

**Thành phần:**

Nhân bánh: Khoai môn, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (khoai môn, vani), chất bảo quản 202.

Vỏ bánh: Bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó khoai môn 40,5%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:**

**Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 345 kcal (17%); Chất đạm 6,9 g (10%); Carbohydrate 60,7 g (20%); Đường tổng số 34,6 g (69%); Chất béo 8,3 g (15%); Chất béo bão hòa 3,6 g (18%); Natri 432 mg (22%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mì, đậu nành, đậu phộng và trứng.*

Sản xuất tại: Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Siêu Thị Big C An Lạc - 1231 KP. 5, Quốc Lộ 1A, P. Bình Trị Đông B, Q. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số tự công bố: 004/AL/2023

#### **BÁNH TRUNG THU KHOAI MÔN**

**Thành phần:**

Nhân bánh: Khoai môn, đường cát, mạch nha, dầu thực vật, bột mì, bột nếp, hương liệu tổng hợp (khoai môn, vani), chất bảo quản 202.

Vỏ bánh: Bột mì, nước đường, chất chống oxy hóa 330, chất ổn định 501(i), dầu thực vật, lòng đỏ trứng gà, bơ đậu phộng, chất tạo xốp 550(ii).

Trong đó khoai môn 40,5%.

**Khối lượng tịnh:**

Dùng ngay sau khi mở bao bì. Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát.

**Hạn sử dụng:**

**Ngày sản xuất:**

Thông tin dinh dưỡng. Thành phần dinh dưỡng trong 100 g: Giá trị năng lượng 345 kcal (17%); Chất đạm 6,9 g (10%); Carbohydrate 60,7 g (20%); Đường tổng số 34,6 g (69%); Chất béo 8,3 g (15%); Chất béo bão hòa 3,6 g (18%); Natri 432 mg (22%).

Kích cỡ một phần ăn: 50 g

*Cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mì, đậu nành, đậu phộng và trứng.*

Sản xuất tại: Chi nhánh Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thương Mại Và Dịch Vụ Siêu Thị Big C An Lạc tại Trà Vinh - Trung tâm thương mại và siêu thị Trà Vinh, đường Võ Nguyên Giáp, Phường 7, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Số tự công bố: 004/AL/2023





## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

|                 |                                      |                                                                                     |
|-----------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| Mã số mẫu :     | 743-2022-00076437                    |  |
| Mã số kết quả : | AR-22-VD-081466-01 / EUVNHC-00174995 |                                                                                     |

|                                                                                                                                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ SIÊU THỊ BIGC AN LẠC</b><br>1231 Khu phố 5, đường Quốc Lộ 1A, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân<br>thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                   |                          |
|-----------------------------------|--------------------------|
| Tên mẫu :                         | BÁNH TRUNG THU KHOAI MÔN |
| Tình trạng mẫu :                  | Mẫu đựng trong túi nhựa  |
| Ngày nhận mẫu :                   | 22/06/2022               |
| Thời gian thử nghiệm :            | 22/06/2022 - 29/06/2022  |
| Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : | 29/06/2022               |
| Mã số PO của khách hàng :         | H8M3220621556            |

| STT | CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM                          | ĐƠN VỊ | PHƯƠNG PHÁP THỬ                                                  | KẾT QUẢ                        |
|-----|----------------------------------------------|--------|------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>  | cfu/ g | TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)                                   | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 2   | VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>                | cfu/ g | TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)                                   | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 3   | VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>         | MPN/ g | TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)                              | Không phát hiện<br>(LOD=0)     |
| 4   | VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>    | cfu/ g | AOAC 975.55                                                      | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 5   | VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>          | cfu/ g | AOAC 980.31                                                      | Không phát hiện<br>(LOD=10)    |
| 6   | VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí    | cfu/ g | TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)                              | 9.5x10 <sup>4</sup>            |
| 7   | VD0GC VD Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc    | cfu/ g | TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)                              | 7.0x10 <sup>4</sup>            |
| 8   | VD855 VD (a) Cadimi (Cd)                     | mg/ kg | AOAC 2015.01                                                     | Không phát hiện<br>(LOD=0.01)  |
| 9   | VD861 VD (a) Chì (Pb)                        | mg/ kg | AOAC 2015.01                                                     | Không phát hiện<br>(LOD=0.017) |
| 10  | VD063 VD (a) Ochratoxin A                    | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5627 (Ref. AOAC International 84.6 2001:1818-1827) | Không phát hiện<br>(LOD=0.5)   |
| 11  | VD066 VD (a) Zearalenon                      | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-3452 (Ref. EN 15850:2010)                          | Không phát hiện<br>(LOD=5)     |
| 12  | VD821 VD (a) Aflatoxin B1                    | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.5)   |
| 13  | VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2) | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)                   | Không phát hiện<br>(LOD=0.5)   |
| 14  | VD1LA VD (a) Deoxynivalenol                  | µg/ kg | EVN-R-RD-1-TP-5626 (Ref. BS EN 15791:2009)                       | Không phát hiện<br>(LOD=100)   |

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

# KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ  
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải  
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 30/06/2022

**Ghi chú giải thích**

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.  
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.  
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.  
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.  
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

